

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây dựng trụ sở làm việc Chi cục Thuế khu vực Duy Tiên - Lý Nhân (nay là Thuế cơ sở 12, tỉnh Ninh Bình).

- Chủ đầu tư: Thuế tỉnh Ninh Bình.

- Địa điểm xây dựng: Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình.

- Tên gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Thời gian thực hiện: 480 ngày (Trong suốt thời gian thi công xây dựng)

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 35 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý IV/2025.

- Nội dung công việc giám sát chính: Xây dựng và lắp đặt thiết bị nhà làm việc, Nhà thường trực, Nhà để máy phát điện, máy bơm nước, Bể nước ngầm, San nền, Kè chắn đất, cổng tường rào, sân đường bồn hoa; hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà, hệ thống cấp điện ngoài nhà; Hệ thống điện nhẹ (mạng điện thoại, mạng máy tính, camera quan sát, âm thanh); Hệ thống phòng cháy chữa cháy; trạm biến áp 250kVA và đường dây 22kV; Hệ thống điều hòa không khí và tăng áp; Phòng chống mối; Thí nghiệm cọc; Thang máy; Nội thất....

1.2. Quy mô đầu tư xây dựng (Các hạng mục cần giám sát):

1.2.1. Trụ sở làm việc

- Phần kiến trúc:

+ Công trình cao 05 tầng + 01 tum; tầng 1 cao 3,0m, tầng 2 cao 4,2m, tầng 3, tầng 4 cao 3,6m, tầng 5 cao 4,5m, tầng tum cao 3,6m, tường trên mái cao 1,5m. Tổng chiều cao công trình tính từ mặt sân hoàn thiện đến đỉnh mái là 24,15m (cốt 0,00 cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,15m); Mặt bằng kích thước 31,2×16,2m. Giao thông theo phương đứng gồm 02 thang bộ và 01 thang máy; giao thông theo phương ngang là sảnh và hành lang rộng 1,98m.

+ Nền garage tầng 1 sơn epoxy tăng cứng; sàn sảnh chính, hành lang và các phòng sử dụng gạch Granite kích thước 800×800mm; cầu thang lát đá Granite; sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn kích thước 300×300mm, tường khu vệ sinh ốp gạch Ceramic 300×600mm. Tường các phòng xây gạch không nung, trát vữa xi măng

M75, bả, sơn 01 lớp lót, 02 lớp phủ hoàn thiện đối với tường trong nhà; sơn 01 lớp lót, 02 lớp phủ hoàn thiện đối với tường ngoài nhà. Mái lợp tôn trên hệ xà gồ thép.

+ Khu vực trần Garage tầng 1, khu vực thang bộ, phòng kỹ thuật trát vữa xi măng, sơn bả hoàn thiện; Trần các phòng sử dụng trần thạch cao xương nổi kích thước 600×1200mm; Trần khu vệ sinh sử dụng trần thạch cao, xương nổi chịu âm kích thước 600×600mm.

+ Cửa Garage tầng 1 sử dụng cửa cuốn loại khe thoáng nan hợp kim nhôm dày 1,2-1,4mm, sơn phủ tĩnh điện. Cửa khu vực thang máy, thang bộ sử dụng cửa khung thép chống cháy. Sảnh chính tầng 2 sử dụng cửa trượt tự động, kính cường lực dày 12mm. Cửa đi các phòng sử dụng cửa gỗ công nghiệp, cửa sổ dùng cửa khung nhôm, kính an toàn dày 8,38mm.

- Phần kết cấu: Móng cọc, cọc bê tông ly tâm đúc sẵn ứng lực trước PHC D350, hạ cọc bằng phương pháp ép trước. Đài móng, dầm móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, cấp độ bền B25. Phần thân kết cấu khung cột, dầm, sàn bê tông cốt thép chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối, cột bê tông cốt thép cấp độ bền B25. Cột tiết diện 22×40cm, 30×55cm, 30×65cm...; Dầm tiết diện 22×40cm, 22×50cm, 33×60cm, 40×50cm,...; Sàn dày 13cm, khu vệ sinh hạ cốt -5cm. Cốt thép $\phi < 10$ sử dụng thép CB240-T, cốt thép đai $\phi \geq 10$ sử dụng thép CB300-V; cốt thép $\phi \geq 10$ sử dụng thép CB400-V.

- Phần cấp điện, điện nhẹ: Nguồn điện lấy từ trạm biến áp của dự án và máy phát điện dự phòng. Sử dụng tủ điện tổng đặt tại tầng 1 cấp đến tủ điện các tầng. Dây dẫn từ các tủ điện đến từng phòng dùng dây lõi đồng, cách điện luôn trong ống nhựa đi ngầm trong tường. Các thiết bị sử dụng gồm ổ cắm, bóng đèn... Hệ thống điện nhẹ (hệ thống cáp mạng, điện thoại, camera.....) được thiết kế đồng bộ.

- Hệ thống cấp nước và thoát nước: Cấp nước sử dụng ống PPR. Thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt sử dụng ống UPVC (hai hệ thống tách riêng). Nước thải sinh hoạt thoát qua hệ thống bể phốt trước khi thoát ra hệ thống công chung.

- Hệ thống PCCC:

+ Trạm bơm: Kết nước chỉ có khả năng chữa cháy được 10 phút, để chữa cháy được lâu hơn cần thiết phải trang bị máy bơm chữa cháy động cơ xăng hoặc dầu.

+ Kết nước mái: Kết nước mái kết hợp với kết nước sinh hoạt, dung tích chữa cháy phải đảm bảo chữa cháy được 10 phút.

+ Bể chứa: Kết hợp với bể chứa nước sinh hoạt, dung tích dự trữ nước chữa cháy phải đảm bảo chữa cháy tối thiểu 3h.

+ Hệ thống đường ống, thiết bị được bố trí theo quy định.

1.2.2. Các hạng mục phụ trợ

1.2.2.1. Nhà thường trực

- Phần kiến trúc: Công trình 01 tầng, cao 3,0m, mái cao 1,1m. Tổng chiều cao công trình tính từ mặt sân hoàn thiện đến đỉnh mái là 4,3m (cốt 0,00 cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,2m). Mái lợp tôn trên xà gồ thép. Nền lát gạch Granite kích thước

300×300mm. Trần trát vữa, sơn hoàn thiện. Tường xung quanh xây gạch không nung, sơn hoàn thiện. Cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm, kính an toàn dày 6,38mm.

- Phần thân kết cấu: Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép cấp độ bền B15 trên nền đầm chặt $K \geq 0,95$; Cột bê tông cốt thép chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối, bê tông cấp độ bền B15. Cột tiết diện 22×22cm, dầm tiết diện 22×40cm. Cốt thép $\phi < 10$ sử dụng thép CB240-T, cốt thép $\phi \geq 10$ sử dụng thép CB400-V.

1.2.2.2. Nhà đặt trạm bơm, trạm điện

- Phần kiến trúc: Công trình 01 tầng, cao 3,3m, sênô cao 0,35m. Tổng chiều cao công trình tính từ mặt sân hoàn thiện đến đỉnh mái là 3,95m (cốt 0,00 cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,3m). Nền bê tông cốt thép. Mái lát gạch lá nem kích thước 300×300mm. Tường xung quanh xây gạch không nung, sơn hoàn thiện. Cửa đi sử dụng cửa chéo ép, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm, kính an toàn dày 6,38mm.

- Phần thân kết cấu: Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép cấp độ bền B15 trên nền đầm chặt $K \geq 0,95$; Cột bê tông cốt thép chịu lực, dầm sàn bê tông đổ toàn khối, bê tông cấp độ bền B15. Cột tiết diện 22×22cm, dầm tiết diện 22×30cm. Cốt thép $\phi < 10$ sử dụng thép CB240-T, cốt thép $\phi \geq 10$ sử dụng thép CB400-V.

1.2.2.3. *Bể nước ngầm*: Bể kết cấu bê tông cốt thép, đổ toàn khối, kích thước 21,0×6,0×3,6m. Kết cấu móng cọc, cọc vuông 35×35cm. Bê tông bể cấp độ bền B22,5. Chống thấm bể hoàn thiện.

1.2.2.4. *Cổng, tường rào, kè đá*: Cổng rộng 6,6m, cánh cổng xếp inox có mô tơ đẩy điện. Tường rào mặt trước sử dụng tường rào hoa sắt, thép đặc 12×12cm, 16×16cm; Tường rào các bên còn lại xây gạch không nung XMCL, trát vữa xi măng, sơn hoàn thiện. Tường rào cao 2,4m, trụ tường cao 2,7m. Kè xây đá hộc, vữa xi măng M100.

1.2.3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1.2.3.1. *San nền*: Vật liệu san nền bằng đất lẫn đá, độ chặt $K \geq 0,90$, tận dụng đất hữu cơ để đắp các vị trí trồng cây.

1.2.3.2. *Sân, đường giao thông, cây xanh*: Kết cấu bê tông xi măng trên lớp cấp phối đầm chặt $K \geq 0,98$, cây xanh được thiết kế đồng bộ.

1.2.3.3. *Cấp nước*: Nguồn cấp nước cho dự án được cấp tại vị trí phía Tây dự án (theo Văn bản số 711/2025/CV-DT ngày 07/11/2025 của Công ty TNHH nước sạch và môi trường Duy Tiên về việc thỏa thuận đầu nối nước sạch để phục vụ lập dự án) đến bể nước ngầm của dự án bằng ống PPR D40.

1.2.3.4. *Thoát nước thải*: Nước thải từ công trình sau khi được xử lý sơ bộ qua bể phốt thoát vào mạng lưới thoát nước thải bên ngoài công trình. Mạng lưới thu gom nước thải gồm hệ thống hố ga và ống thoát nước thải uPVC D140, hoạt động theo nguyên tắc tự chảy $i=1/D$.

1.2.3.5. *Thoát nước mưa*: Hướng thoát nước chính từ Đông sang Tây, thoát về điểm thoát nước chung khu vực. Gồm hệ thống hố ga và rãnh xây B300, tấm đan bê tông cốt thép M200. Độ dốc dọc cống được thiết kế đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy ($i_{min}=1/D$).

1.2.4. Hạ mục cáp điện, chiếu sáng

- Di chuyển đường dây 22kV Lộ 474-476 E24.3 (mạch kép) khoảng cột 48-52:

+ Trồng mới 04 vị trí cột trên vỉa hè đường quy hoạch, sử dụng cột bê tông ly tâm loại PC.118-190-13 được chế tạo theo TCVN 5847-2016. Móng cột loại MT-PC18, MTĐ-PC18 bê tông đúc móng M150 (đá 2×4, cát vàng, xi măng PC30, tấm đan cốt thép 8), bê tông lót móng M100 đá 4x6, chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông sỏi nhỏ M200.

+ Dây dẫn: Sử dụng dây nhôm lõi thép AC 120/19. Xà điện gia công thép hình L70×70×7, L63×63×6, L50×50×5. Sau khi gia công xong toàn bộ xà điện được mạ kẽm nhúng nóng. Cách điện sử dụng sứ Polime 22kV, chuỗi Polime 22kV đảm bảo TCVN.

+ Tiếp địa cột R-10T: Cọc tiếp địa L63×63×6 mạ kẽm dài 2,5m. Dây tiếp địa thép phi 10 trị số điện trở tiếp đất đảm bảo theo quy định $\leq 10 \Omega$.

- Xây dựng đường cáp ngầm 22kV cáp điện TBA:

+ Điểm đầu: Tại cột 48 đường dây 22kV Lộ 474E24.3 sau di chuyển. Tại vị trí cột đầu lắp 01 bộ chống sét van 22kV; 01 bộ đầu cáp ngoài trời 24kV để hạ ngầm cáp: 01 bộ cầu dao phụ tải 24kV-630A ngoài trời.

+ Xà điện: xà CDPT và chống sét van, thang trèo, ghế thao tác, giá bắt tay dao được gia công bằng thép hình L50×50×5, L160×60×6, L63×63×6, L70×70×7, sau khi gia công xong mạ kẽm nhúng nóng. Cách điện: Sử dụng sứ Polime 22kV, chuỗi Polime 22kV đảm bảo TCVN.

+ Cáp cáp điện cho trạm biến áp dùng cáp đồng ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 24kV- 3x70mm², cáp luôn trong ống nhựa chịu lực HDPE đi ngầm trong rãnh cáp, phía trên mặt rãnh cáp có biển báo hiệu cáp ngầm theo quy định.

- Xây dựng TBA 250kVA-22/0.4kV:

+ Phần cao thế của trạm:

Máy biến áp công suất 250kVA-22/0,4kV kiểu trạm treo đảm bảo theo TCVN 6306:2006 (IEC 60076:2000), tiêu chuẩn quy định về mức và phương pháp xác định mức hiệu suất năng lượng tối thiểu MEP TCVN 8525:2010, tiêu chuẩn quy định về tổn hao máy biến áp phân phối ban hành kèm theo Quyết định 1011/QĐ-ENV NPC ngày 07/4/2015 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.

Cột trạm dùng cột bê tông 2PC12-7.2 đảm bảo theo TCVN 5847- 2016. Móng cột trạm loại M-2PC12-7.2 bê tông đúc móng tại chỗ M150 (đá 2x4, xi măng PC30, cát vàng, tấm đan thép 08), thực hiện xây và san lấp nền móng trạm.

Thiết bị lắp đặt trên phần xà trạm đảm bảo theo bộ tiêu chuẩn kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định 318/QĐ-EVN NPC ngày 03/02/2016 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.

- Tiếp địa trạm: Dây tiếp địa thép $\phi 10, 12, 16$; cọc tiếp địa gia công sắt L63x63x6 dài 2,5m điện trở tiếp đất đảm bảo theo quy định $\leq 4\Omega$.

+ Phần hạ thế của trạm: Tủ điện hạ thế 500V-400A trạm chế tạo theo thiết kế gia công xong sơn tĩnh điện gồm 2 ngăn. Cấp tổng dẫn từ mặt MBA đến tủ điện dùng cáp Cu/XLPE/PVC 1×240mm² chập đôi cho dây pha, sợi đơn cho dây trung tính. Lắp tủ tụ bù công suất 120kVAr

- Chiếu sáng ngoài nhà: Sử dụng bóng đèn LED cao áp, cột đèn bằng thép mạ kẽm.

(Nội dung chi tiết trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm E-HSMT trên hệ thống)

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

- Nhằm lựa chọn nhà thầu tư vấn có đầy đủ năng lực kinh nghiệm tiến hành thực hiện hoàn thành gói thầu đảm bảo chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo đúng các quy định hiện hành về giám sát thi công xây dựng công trình.

- Nghiên cứu các nội dung giám sát phù hợp với quy trình, quy phạm, các tiêu chuẩn xây dựng và đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của hồ sơ thiết kế.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu:

Giám sát thi công xây dựng toàn bộ các hạng mục/công trình thuộc dự án: Xây dựng trụ sở làm việc Chi cục Thuế khu vực Duy Tiên - Lý Nhân (nay là Thuế cơ sở 12, tỉnh Ninh Bình).

2. Nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành:

Nhà thầu trúng thầu có nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị được thực hiện theo các qui định trong các văn bản pháp luật Việt Nam, bao gồm các nội dung sau:

2.1. Giám sát kỹ thuật, chất lượng công trình

a) Kiểm tra lại các bản vẽ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với chủ đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành.

b) Rà soát, kiểm tra tiến độ thi công tổng thể và chi tiết do nhà thầu lập, có ý kiến về sự phù hợp với tiến độ thi công tổng thể; có kế hoạch bố trí nhân sự tư vấn giám sát cho phù hợp với kế hoạch thi công theo từng giai đoạn.

c) Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định của Luật xây dựng hiện hành.

d) Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác).

g) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu: hệ thống tổ chức và phương pháp quản lý chất lượng, các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường, nghiệm thu nội bộ).

h) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu theo quy định hiện hành.

i) Giám sát chất lượng vật liệu tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyển khỏi công trường.

k) Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng phần việc, từng hạng mục khi có thư yêu cầu từ nhà thầu theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế. Kết quả kiểm tra phải ghi nhật ký giám sát của tổ chức tư vấn giám sát hoặc biên bản kiểm tra theo quy định.

l) Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu và xác nhận vào phiếu thí nghiệm.

m) Phát hiện các sai sót thi công, khuyết tật, hư hỏng, sự cố các bộ phận công trình; lập biên bản hoặc hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền giải quyết.

n) Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng, các hạng mục công việc, bộ phận công trình; yêu cầu tổ chức và tham gia các bước nghiệm thu theo quy định hiện hành.

o) Xác nhận bằng văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ yêu cầu.

p) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận để trình cấp có thẩm quyền.

2.2. Giám sát tiến độ thi công

a) Kiểm tra, xác nhận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục công trình do nhà thầu lập đảm bảo phù hợp tiến độ thi công đã được duyệt.

b) Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công. Khi cần thiết, yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. Đề xuất các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công nhưng không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý.

Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì tư vấn giám sát phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu và các yếu tố khách quan khác, báo cáo chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của dự án.

c) Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công; yêu cầu nhà

thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với chủ đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết.

2.3. Giám sát khối lượng và giá thành xây dựng công trình

a) Kiểm tra xác nhận khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu lập, trình, đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng và là cơ sở để thanh toán phù hợp theo chế độ quy định.

b) Đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời lên chủ đầu tư về khối lượng phát sinh mới ngoài khối lượng trong hợp đồng, do các thay đổi so với thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư chấp thuận.

c) Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Tiếp nhận, hướng dẫn nhà thầu lập lệnh thay đổi và hồ sơ sửa đổi, phụ lục bổ sung hợp đồng. Đề xuất với chủ đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có).

2.4. Giám sát an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh lao động

a) Kiểm tra biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo an toàn khi thi công xây dựng của nhà thầu. Kiểm tra hệ thống quản lý an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh lao động, việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn lao động cho các cá nhân tham gia dự án của các nhà thầu.

b) Thường xuyên kiểm tra và yêu cầu nhà thầu đảm bảo an toàn lao động và môi trường xây dựng.

2.5. Giám sát những vấn đề khác

a) Kiểm tra và yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông, tổ chức giao thông của nhà thầu.

b) Tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo lên cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

c) Lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi nhà đầu tư. Các nội dung chính cần báo cáo: Tình hình thực hiện dự án; tình hình hoạt động của tư vấn (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng tư vấn); các đề xuất, kiến nghị.

d) Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và các cấp có thẩm quyền.

e) Tham gia hội đồng nghiệm thu cơ sở theo quy định hiện hành.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

- Ngay sau khi ký kết hợp đồng tư vấn được ký kết

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo:

- Báo cáo định kỳ (tuần, tháng, quý);
- Báo cáo hoàn thành công việc tư vấn;
- Báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết).

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu bố trí nhân sự cho gói thầu và cho từng vị trí phải đảm bảo đúng theo yêu cầu của E-HSMT

- Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng hiện hành.

- Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục đính kèm Hợp đồng hoặc tài liệu do chủ đầu tư cung cấp.

Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

- Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng, không ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Điều kiện làm việc: Nhà thầu phải chịu động điều kiện làm việc để thực hiện toàn bộ công việc của mình, toàn bộ chi phí được tính trong giá dự thầu.

- Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ để hỗ trợ các nhà thầu tham dự và cung cấp các tài liệu trong giới hạn cho phép có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình